

KHOA VIỆT NAM HỌC
TRƯỜNG ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM

KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT
TRƯỜNG ĐHKHXH&NV, ĐHQG HÀ NỘI

KHOA VIỆT NAM HỌC
TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ- ĐH HUẾ

GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT 2018



NXB ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TỪ ĐỊA PHƯƠNG TRONG “NGÔN NGỮ TEEN” CỦA SINH VIÊN BẠC LIÊU

Võ Thị Diễm Phương*

Theo số liệu trong bảng công bố cuộc khảo sát mới nhất của We Are Social - một công ty toàn cầu - tính đến năm 2018, Facebook vẫn luôn là mạng xã hội được yêu thích và sử dụng nhiều nhất ở Việt Nam. Sự phát triển của internet và các trang mạng xã hội hình thành nên một xã hội ảo trong giới trẻ. Trong thế giới ảo này, giới trẻ thiết lập những mối quan hệ ảo, những quy tắc giao tiếp riêng, thậm chí một kiểu ngôn ngữ riêng. Việc phổ biến kiểu ngôn ngữ riêng của giới trẻ này (chúng tôi tạm gọi là “ngôn ngữ teen”) không chỉ còn trong phạm vi các trang mạng xã hội, trong thế giới ảo mà nó đã và đang bước ra ngoài thế giới thực, chúng xuất hiện trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội, không chỉ còn giới hạn trên bàn phím mà đi vào cả trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.

Trong bài báo này, chúng tôi tiến hành khảo sát sự xuất hiện của từ địa phương trong “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu. Đặc điểm này đã tạo cho “ngôn ngữ teen” nơi đây những nét đặc trưng độc đáo. Kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc nghiên cứu về phương ngữ Nam Bộ nói chung và từ địa phương nói riêng, cũng như góp phần nghiên cứu về đặc điểm “ngôn ngữ teen” của sinh viên ở Bạc Liêu.

1. Mở đầu

1.1. “Ngôn ngữ teen” là gì?

“Ngôn ngữ teen” là từ dùng để gọi cho lớp ngôn ngữ mới mà giới trẻ tạo ra và sử dụng trong giao tiếp trên các trang mạng xã hội. Lớp từ này ra đời và gắn liền với sự phát triển của công nghệ và không theo quy chuẩn của tiếng Việt. Hiện nay, vẫn chưa có một tên gọi hay khái niệm chính thức cho ngôn ngữ này, mà thường được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: ngôn ngữ teen, ngôn ngữ 9X (để nhấn mạnh đến đối tượng và lứa tuổi sử dụng ngôn ngữ),

* Học viên cao học, Khoa Việt Nam học, Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG-HCM.

ngôn ngữ chat, ngôn ngữ @, ngôn ngữ mạng (để nhấn mạnh đến cách thức và phương tiện giao tiếp),...

Chúng tôi chọn cách gọi là “ngôn ngữ teen” nhằm phân biệt với ngôn ngữ toàn dân và quan trọng là khu biệt đối tượng cũng như phạm vi sử dụng lớp ngôn ngữ này. Việc một nhóm đối tượng tự tạo cho mình một lớp từ vựng để sử dụng nội bộ không phải là một hiện tượng mới. Nhưng “ngôn ngữ teen” lại là một hiện tượng có những biến đổi liên tục xảy ra trong quá trình vận động của mình, dù chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian không dài.

1.2. Phương ngữ và từ địa phương

Hiện nay, đã có nhiều nhà nghiên cứu về phương ngữ và từ địa phương trong tiếng Việt. Trong phần này, chúng tôi sẽ trình bày các định nghĩa của một số tác giả về hai thuật ngữ này.

Về phương ngữ tác giả Trần Thị Ngọc Lang (1995) cho rằng: “*Phương ngữ là phương tiện diễn đạt và giao tiếp của một địa bàn (khu vực) dân cư*”.

Về từ địa phương, theo tác giả Nguyễn Thiện Giáp (2009) đó là “*những từ được dùng hạn chế ở một vài địa phương, từ địa phương là dạng biến thể của người dân tộc*”.

Còn theo Bùi Tất Tươi (1996) thì “*Từ địa phương là những từ chỉ dùng trong một địa phương nhất định. Chúng song song cùng tồn tại với từ toàn dân, từ địa phương được dùng trong khẩu ngữ tự nhiên*”.

Từ những quan niệm về phương ngữ và từ địa phương trên, chúng ta thấy từ địa phương có thể được xem như là một bộ phận của phương ngữ. Có thể hiểu từ địa phương là những từ được dùng hạn chế ở một hoặc một vài địa phương nhất định trong khi phương ngữ là tập hợp những từ dùng trong một khu vực hay vùng miền (bao gồm từ địa phương của một hay nhiều địa phương trong vùng, miền đó).

Chính đặc điểm được sử dụng hạn chế trong phạm vi nhất định mà phương ngữ cũng như từ địa phương mang tính đặc trưng vùng miền, địa phương hay tộc người rất rõ nét. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đi xem xét từ địa phương được sử dụng tại Bạc Liêu trong tương quan là bộ phận của phương ngữ Nam Bộ. Những từ địa phương này được sử dụng thường xuyên không chỉ trong ngôn ngữ sinh hoạt mà còn thể hiện trên ngôn ngữ viết qua “ngôn ngữ teen” trên các trang mạng xã hội.

2. Phương pháp

2.1. Nguồn ngữ liệu

Nguồn ngữ liệu được thu thập từ các bình luận, trao đổi, trò chuyện,... của sinh viên ở Bạc Liêu trên trang mạng Facebook. Chúng tôi đã tiến hành chụp lại màn hình các phần hội thoại này trên các trang Facebook cá nhân. Sau đó tiến hành thống kê và phân loại các ngữ liệu.

2.2. Phương pháp phân tích

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng kết hợp một số thủ pháp, phương pháp nghiên cứu sau:

Thủ pháp thống kê: thống kê các đại lượng về tần số, tỉ lệ (%) của các biến thể ngôn ngữ bằng chương trình thống kê SPSS.

Phương pháp phân tích – tổng hợp: từ các kết quả thu thập được chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp và đánh giá sự đóng góp của từ địa phương trong “ngôn ngữ teen”.

3. Kết quả và thảo luận

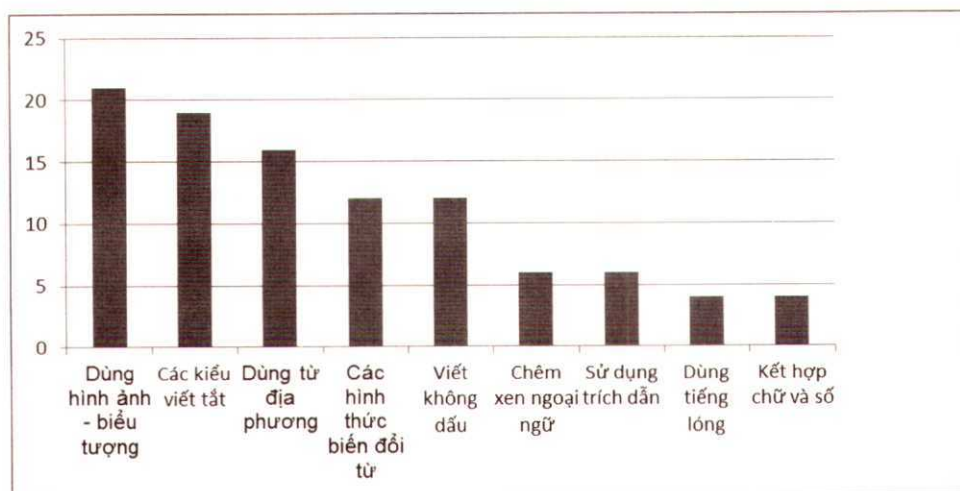
3.1. Hình thức biểu hiện của “ngôn ngữ teen”

Qua khảo sát nguồn ngữ liệu, chúng tôi thu được chín hình thức biểu hiện cơ bản của “ngôn ngữ teen”, gồm: sử dụng tiếng lóng, sử dụng các kiểu kết hợp chữ - số - ký hiệu, chêm xen ngoại ngữ, sử dụng trích dẫn, viết không dấu, sử dụng các hình thức biến đổi từ, sử dụng từ địa phương, sử dụng cách viết tắt và sử dụng các hình ảnh - biểu tượng thay thế.

Các hình thức này cũng chịu sự chi phối chung của sự vận động và biến đổi của ngôn ngữ mạng. Tùy vào từng thời điểm mà “ngôn ngữ teen” đã có những thay đổi rất đa dạng, từ phức tạp, rườm rà cho đến đơn giản, ngắn gọn; từ việc kết hợp các ký tự - chữ số tạo nên hình ảnh đến sử dụng các loại hình ảnh tĩnh, động; hay các hình thức xuất hiện càng lâu thì số lượng người sử dụng nó càng thấp, ngược lại những hình thức biến thể mới sẽ được hưởng ứng mạnh hơn. Ví dụ, các kiểu “sử dụng tiếng lóng”, “kết hợp chữ - số - ký hiệu để tạo từ mới” hay hình thức “chêm xen ngoại ngữ” là những hình thức đã xuất hiện từ khá sớm so với những hình thức biến thể của tiếng Việt. Hiện nay, những hình thức này được sử dụng với tần suất thấp hơn và số lượng người sử dụng cũng không nhiều. Ngược lại, một số hình thức biến thể mới như “sử dụng hình ảnh - biểu tượng”, “các kiểu viết tắt” mới, hay “dùng từ địa phương”,... trở nên phổ biến hơn.

Cũng như “ngôn ngữ teen” trên các trang mạng xã hội ở khắp cả nước, “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu cũng có những đặc điểm chung về quá trình và phương thức hình thành, hình thức biểu hiện, quá trình vận động, biến đổi,... Trong đó, ở mỗi vùng “ngôn ngữ teen” đều mang màu sắc riêng, bởi sự tham gia của những từ địa phương cũng như bị chi phối bởi những đối tượng sáng tạo riêng biệt. Sở dĩ có đặc điểm này là vì “ngôn ngữ teen” là ngôn ngữ viết nhưng lại mang những đặc điểm của ngôn ngữ nói, ngôn ngữ sinh hoạt.

Biểu đồ 1: Hình thức biến đổi của “ngôn ngữ teen”



3.2. Từ địa phương trong “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu

Trong phương ngữ Nam Bộ nói chung và từ địa phương Bạc Liêu nói riêng, chúng ta có thể tìm thấy một số từ ngữ vẫn được sử dụng ở một số địa phương khác, đặc biệt là vùng Bắc Trung Bộ, ví dụ như: *coi (xem), méc (mách), hỏm (hôm trước), vô (vào), hông (không),...* Ngoài lớp từ ngữ này, phương ngữ ở Bạc Liêu còn có một lớp từ được hình thành do sự giao thoa ngôn ngữ giữa các tộc người cùng cộng cư tại một vùng địa phương nhất định. Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và ở các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau nói riêng, là vùng đất có sự cộng cư lâu đời của các tộc người Kinh, người Khmer và người Hoa. Do đó, văn hóa cũng như ngôn ngữ ở các địa phương này có sự giao thoa, ảnh hưởng và vay mượn từ mỗi tộc người đang sinh sống ở đây, nên chúng rất đa dạng và đặc sắc. Ở bình diện ngôn ngữ, có rất nhiều từ vựng có nguồn gốc từ tiếng Hoa của người Việt gốc Hoa ở địa phương. Ví dụ, những từ ngữ chỉ tên gọi những món ăn như: *xá bấu, xí mui, thèo lèo, bò pía, dầu cháo quẩy, tả pín lù,...* Hay những từ ngữ liên quan đến cuộc sống sinh hoạt thường ngày như: *lì xì, tài công, tấm quất, tứ chiếng,...*

Bên cạnh việc sử dụng nhiều từ ngữ có nguồn gốc là tiếng Hoa, tiếng Việt ở Bạc Liêu nói riêng và ở các tỉnh Nam Bộ nói chung, cũng sử dụng nhiều từ ngữ có nguồn gốc từ tiếng Khmer. Ví dụ, những từ ngữ liên quan đến cuộc sống sinh hoạt thường ngày như: *cà ràng, xà quần, mình ên, cái cần xé, cái cù nèo,...* hay những từ ngữ chỉ địa hình có liên qua đến sông nước ở Nam Bộ như: *bưng (bưng biển), vàm,...*

Nhìn chung, lớp từ ngữ có nguồn gốc tiếng Hoa và tiếng Khmer này cũng thường được sinh viên ở Bạc Liêu sử dụng trên các mạng xã hội.

3.2.1. Từ xưng hô trong “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu

Cũng như hệ thống từ xưng hô ở các vùng miền khác ở Việt Nam, hệ thống từ xưng hô ở Nam Bộ mà đặc biệt là các tỉnh miền Tây Nam Bộ rất phong phú và đa dạng. Vì đây là vùng đất tập hợp của những con người của nhiều vùng miền của đất nước đến khẩn hoang, cùng với sự cộng cư lâu đời của các tộc người (người Kinh, người Hoa, người Khmer) đã tạo cho lời ăn tiếng nói nơi đây một sự đan xen, giao thoa vô cùng đặc sắc và phong phú.

Qua khảo sát “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu, kết quả cho thấy lớp từ xưng hô được sử dụng trong tiếng Việt một cách rất phổ biến. Cụ thể từ xưng hô chiếm 40,1% trong tổng số từ địa phương thống kê được. Trong đó, từ xưng hô gồm các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, như: *tui (tôi),* đại từ nhân xưng ngôi thứ hai, như: *chế (chị), hia (anh), tía (cha, ba hay bố),...* và đại từ nhân xưng ngôi thứ ba, như: *ảnh (anh ấy/anh đó), chỉ (chị đó/chị ấy),...* Những từ xưng hô này được sinh viên ở Bạc Liêu sử dụng khi giao tiếp, tán gẫu hay trao đổi thông tin,... với nhau trên các trang mạng xã hội thường xuyên. Sau đây là một vài ví dụ tiêu biểu:

(1). **Tui ẹp tui** có quyền nha **chế** (Tôi đẹp tôi có quyền nha **chị**).

Trong ví dụ này, “tui” có nghĩa là “tôi” và “chế” có nghĩa là “chị”. Ở đây chúng ta có thể thấy rõ sự giao thoa văn hóa giữa tộc người Kinh và người Hoa. Từ “tui” là phương ngữ được đem vào từ các tỉnh Trung Bộ cùng kết hợp với cách xưng hô “chế” của người Hoa.

(2). Thì tìm hiểu từ từ a ha. Trăm cho a cơ hội để nghĩ lại á kkkkk. Cho **ông** ra rìa đi. (Thì tìm hiểu từ từ anh ha. Trăm cho anh cơ hội để nghĩ lại á kkkkk. Cho **ông ấy/đó** ra rìa

đi.).

Ở ví dụ này từ “ổng” có nghĩa là “ông ấy” hay “ông đó” trong tiếng Việt toàn dân.

(3). Trời trời vui **bây** (Trời trời vui **mây**).

Từ “bây” ở ví dụ trên có nghĩa là “mây/mây”.

(4). 2 cái lặn **cung** hỏi cái nào T ((Có đến 2 cái **em** hỏi cái nào T) .

Theo *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ* thì **cung** được giải thích với hai nghĩa: 1- tiếng gọi âu yếm đối với người yêu, hoặc vợ ; 2 - tiếng gọi thể hiện sự thân thương với bọn trẻ. Trong ví dụ trên từ “**cung**” được hiểu theo cách giải nghĩa thứ hai, đồng nghĩa với từ “**em**” trong từ toàn dân. Tuy nhiên, từ “**cung**” ở Bạc Liêu còn được hiểu theo một ý nghĩa khác, đó là “thích, dễ thương, đáng yêu”, ví dụ:

(5). Cái áo khóa mua đâu **cung** vậy ch (Cái áo khoác mua đâu **dễ thương** vậy chê/chị).

Trong ví dụ này từ “**cung**” có nghĩa là “dễ thương/ thích”.

(6). Nay len tom ha **hia** (Nay/Nãy lên tôm hả **anh?**).

Từ “**hia**” trong ví dụ trên đồng nghĩa với từ “**anh**”.

(7). Còn kg biết tên nữa mà **cung ảnh ảnh chế** bó tay kkk (Còn không biết tên nữa mà **em** (cứ gọi) **anh ấy anh ấy chị** bó tay kkk).

Ở ví dụ trên, ta thấy có khá nhiều từ xưng hô như: “**cung**” nghĩa là “**em**”, “**ảnh**” nghĩa là “**anh ấy**”; và “**chế**” có nghĩa là “**chị**”.

Trong đó, từ “**hia**” ở ví dụ (6) và từ “**chế**” ở ví dụ (7) là từ xưng hô có nguồn gốc từ tiếng Hoa.

Bên cạnh việc sử dụng các từ xưng hô có nguồn gốc từ tiếng Hoa, “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu cũng sử dụng từ xưng hô có nguồn gốc từ tiếng Khmer. Ví dụ:

(8). Mua **ên** đi. Bệnh (Mua (**mình**) **ên** đi. Bệnh).

(9). Hum tkèm sài **ên** đi kon quỷ (Không thèm xài **ên** đi con quỷ).

Từ “**ên**” trong hai ví dụ trên trong tiếng Khmer là “**êng**” có nghĩa là “một mình”.

Từ xưng hô trong phương ngữ Nam Bộ nói chung và từ địa phương ở Bạc Liêu nói riêng đa dạng và phong phú. Bởi vì không chỉ có lớp từ xưng hô trong hệ thống từ toàn dân mà còn có sự xuất hiện từ xưng hô được tiếp thu từ các vùng miền khác, đặc biệt là từ xưng hô được vay mượn và ảnh hưởng từ hệ thống từ xưng hô của các tộc người Hoa và người Khmer. Điều này cho thấy không chỉ trong văn hóa, ngôn ngữ cũng có sự giao thoa mạnh mẽ của các tộc người cộng cư ở vùng đất này. Tuy “ngôn ngữ teen” chỉ là lớp từ xuất hiện và lưu hành theo trào lưu nhưng vẫn tiếp thu và mang những đặc điểm chung của ngôn ngữ.

3.2.2. Từ sinh hoạt trong “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu

Ngoài lớp từ xưng hô mà chúng tôi đã trình bày, “ngôn ngữ teen” trên các trang mạng xã hội ở Bạc Liêu còn có sự xuất hiện của một lượng lớn từ sinh hoạt (chiếm 59,9% trong tổng số từ địa phương thu thập được) được sử dụng trong sinh hoạt và giao tiếp hàng ngày

mang màu sắc Nam Bộ. Sau đây là một vài ví dụ được thu thập từ các trang Facebook cá nhân của các đối tượng sinh viên được khảo sát:

(10). **Hôm** xuống nhà m đi đám chi (**Hôm** xuống nhà mày đi đám chi).

Từ “hôm” được dùng trong ví dụ thường được dùng trong các từ khẩu ngữ “hôm hôm” hoặc “bữa hôm” với nghĩa là **hôm ấy**.

(11). **Méc** mẹ nè.

Từ “méc” đồng nghĩa với **mách**.

(12). Ủa sao tag Mơ **vô**.

Từ “vô” nghĩa là **vào** trong tiếng Việt toàn dân.

(13). Hề hề e xog **hết tron** zoi h nằm lẩn lẩn là khô khô liên. (Hề hề em xong **hết tron** rồi giờ nằm lẩn lẩn là khô khô (ngủ) liên).

Từ “hết tron” ở ví dụ trên có nghĩa là **hết cả, hết sạch, không còn gì**.

(14). Rồi nói câu đó là thấy **hạp** nhau r đó. (Rồi nói câu đó thấy **hạp** nhau rồi đó).

Trong ví dụ trên từ “hạp” đồng nghĩa với từ “hợp” trong từ toàn dân.

(15). kkk chắc chết vs chế. Chọc nhỏ **quài** luôn (kkk chắc chết với chế. Chọc em **quài** luôn).

Trong ví dụ này, “quài” là cách phát âm theo phương ngữ Nam Bộ của từ “hoài”, có nghĩa là **mãi, luôn, kéo dài liên tục, không ngừng**.

Các từ ngữ sinh hoạt của phương ngữ Nam Bộ được sử dụng nhiều trong các hội thoại của sinh viên ở Bạc Liêu là một trong những đặc trưng tiêu biểu của “ngôn ngữ teen” ở Bạc Liêu và là một trong những đặc điểm để xác định tính địa phương, vùng miền của “ngôn ngữ teen” ở địa phương này, vì những từ ngữ sinh hoạt này không hoặc hiếm khi xuất hiện ở các địa phương khác.

4. Kết luận

“Ngôn ngữ teen” tuy chỉ là một hiện tượng ngôn ngữ nhưng lại mang những đặc điểm ngôn ngữ rất rõ ràng và có phần phức tạp. Bởi vừa có đặc điểm của ngôn ngữ viết lại vừa có những đặc điểm của ngôn ngữ nói. Từ địa phương trong “ngôn ngữ teen” của sinh viên ở Bạc Liêu đã làm nổi bật sắc thái địa phương bởi vốn từ trong phương ngữ Nam Bộ lại có cả vốn từ địa phương ở Bạc Liêu. Lại vừa làm nổi bật sắc thái cá nhân của người sử dụng bởi người dùng sử dụng từ địa phương trong lời ăn tiếng nói hàng ngày vào trong ngôn ngữ giao tiếp. Những từ địa phương sau một quá trình được sử dụng thường xuyên đã được chấp nhận ở phạm vi rộng hơn phạm vi ban đầu mà những từ đó xuất hiện. Một số từ trước đây chỉ lưu hành trong phạm vi địa phương ở Bạc Liêu và một số tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng như: *mình ên, chế, hia,...* thì hiện nay đã mở rộng phạm vi hoạt động và mở rộng thêm đối tượng tiếp nhận ở các địa phương lân cận và xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Sự xuất hiện của từ địa phương trong “ngôn ngữ teen” là một bước tiến để phương ngữ thâm nhập vào vốn từ toàn dân, bổ sung thêm cho hệ thống từ vựng tiếng Việt ngày càng phong phú, đa dạng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
2. Trần Thị Ngọc Lang (1995), *Phương ngữ Nam Bộ: những khác biệt về từ vựng - ngữ nghĩa so với phương ngữ Bắc bộ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Huỳnh Công Tín (2007), *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Bùi Tất Tươi (chủ biên) (1996), *Giáo trình Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

MỤC LỤC

* Nguyễn Thị Phương Anh	Nghiên cứu Khu vực học ở Việt Nam trong xu thế phát triển bền vững	5
* Võ Thị Ngọc Ân	Hiện tượng chuyển loại giữa hư từ trong tiếng Việt và tiếng Anh	14
* Phan Thái Bình	Một vài so sánh trong ứng xử giữa người Việt và người Hàn	32
* Phạm Thùy Chi	Phương tiện biểu thị ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt	39
* Nguyễn Minh Chính	Đào tạo dịch thuật: dạy dịch ngôn ngữ hay dạy dịch văn hóa?	50
* Trần Nhật Chính	Lễ hội chọi trâu Phù Ninh – nét văn hóa đặc sắc và cổ xưa của tỉnh Phú Thọ	61
* Lê Khắc Cường	Cơ cấu ngữ âm tiếng Tà Mun và sự tương ứng ngữ âm,	
* Phan Trần Công	từ vựng giữa tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ	
* Nguyễn Trần Quý	trong tiểu nhóm Nam Ba-Na	69
* Bùi Duy Dương	Các cặp quan hệ từ tiếng Việt trong văn bản chữ Nôm thế kỷ XV	88
* Đinh Thị Dung	Quan hệ lịch sử - văn hóa khu vực trường hợp Việt Nam - Indonesia	99
* Nguyễn Phước Bảo Đan	Con người xứ Huế: thiên hướng tư duy và những trở lực trong việc phát triển	108
* Đặng Hoàng Giang	Không gian văn hóa buôn làng Tây Nguyên: một cách nhìn khác	115
* Đoàn Lê Giang	Tổng quan nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam ở Nhật Bản	122
* Lê Thị Mỹ Hà	Biến đổi trong tổ chức xã hội của người Stiêng ở Bình Phước	135
* Bùi Thị Duyên Hải	Chiếc áo dài của phụ nữ Việt - quá trình biến đổi	142
* Nguyễn Thị Ngọc Hân	Vấn đề sắp xếp thành phần cú pháp trong câu tiếng Việt của học viên Hàn Quốc	150
* Lê Thị Minh Hằng	“Còn” ngữ pháp hóa	158

* Nguyễn Thị Thúy Hằng	Lịch sử văn du ký Việt Nam từ trung đại đến nửa đầu thế kỷ XX	166
* Nguyễn Thị Minh Hạnh	Mối quan hệ giữa tên đề và nhân vật chính qua một số tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam hiện đại giai đoạn 1996-2016	175
* Yuemoto Haruki Han Mun Won	Cộng đồng người Việt nam ở Ansan, Hàn Quốc	180
* Trần Thị Thu Hiền * Phan Đình Ngọc Châu	Thuận lợi và khó khăn của giảng viên Khoa tiếng Pháp trong giảng dạy tiếng Việt cho người Pháp ngữ	190
* Đỗ Thị Thu Hiền	Đặc điểm về trường của giao tiếp hội thoại hàng ngày trong phim “Người Hà Nội”	197
* Huỳnh Công Hiến	Việc diễn đạt về thời gian trong giáo trình Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài	206
* Trịnh Đức Hiến	Về những kết cấu mới theo kiểu thành ngữ, tục ngữ	224
* Trần Thị Hoa	Tính biểu cảm qua ca khúc “Cát bụi” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn	233
* Nguyễn Thị Hồng Hoa	Một vài khác biệt giao ngôn ngữ căn bản nhằm ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy các học phần dịch cho người Nhật học tiếng Việt	238
* Nguyễn Chí Hòa	Thiết kế chương trình tiếng Việt theo quy trình “ngược”	248
* Hồ Viết Hoàng	Đào tạo và liên kết đào tạo người nước ngoài tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế: nhìn từ study tour về văn hóa Huế	258
* Phan Thị Ánh Hồng	Biến đổi trong tổ chức cư trú của người Ê Đê tại buôn Niêng, xã Ea Nuol, huyện Buôn Đôn, tỉnh Daklak	265
* Đào Văn Hùng	Vai giao tiếp và việc dạy nhóm từ xưng hô trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	277
* Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phong trào bảo vệ văn hóa dân tộc ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1965 - 1968	286
* Võ Sông Hương	Những liên tưởng của người Việt truyền thống về việc sinh nở của con người với sự sinh sôi của vạn vật	293
* Võ Thanh Hương	Sự ảnh hưởng của niềm tin tâm linh	
* Lee Ju Youn * Lee Sun Young	và ngũ giới vào đời sống văn hóa Phật tử Việt Nam	
* Lee Sul Ki * Kim Jung Hun	tại chùa Quảng Tế và Phật tử Hàn Quốc	
* Oh In Yeong * Ko Myung Hui	tại chùa Dae Han Jeong Sa	300
* Jung Ho Jeon		
* Nguyễn Việt Hương	Một số vấn đề về xây dựng giáo trình tiếng Việt bậc Hoàn thiện	312

* Vũ Lan Hương	Khảo sát việc giảng dạy nội dung ngữ pháp biểu hiện hành động yêu cầu trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	320
* Nguyễn Tấn Khang * Võ Thị Tuyết Nga	Ứng dụng công thức 5W+1H vào việc dạy viết tiếng Việt cho học viên nước ngoài	330
* Hoàng Khuê * Nguyễn Thị Như Diệp * Đinh Điền * Nguyễn Thanh Thủy	Ứng dụng kho ngữ liệu song song đa ngữ trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	336
* Nguyễn Huỳnh Lâm * Lee Na Yeong	Lỗi ngữ dụng qua lời cầu khiến của học viên người Hàn Quốc học tiếng Việt	345
* Võ Châu Loan	Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ hướng từ năm 1994 đến nay	351
* Phan Nguyễn Phong Luân	Khai thác giá trị của văn hóa ẩm thực từ sen trong hoạt động du lịch tại Đồng Tháp	358
* Lê Thị Hồng Minh	Những dấu ấn của một phong cách riêng trong <i>Nhị độ mai</i> và một số truyện thơ Nôm khác	366
* Nguyễn Thiện Nam	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, trường hợp Khoa Việt Nam học và tiếng Việt	379
* Nguyễn Thị Bích Nga * Hoàng Thị Dung	Đặc điểm diễn xướng của hát then dân tộc Tày, Nùng vùng đông bắc Việt Nam	388
* Phan Thị Ngân	Kiến trúc nhà thờ Vĩnh Hội – sự giao thoa văn hoá Kitô giáo trong văn hoá Việt	397
* Trần Trọng Nghĩa	Bàn về độ khó trong bài tập tiếng Việt cho người nước ngoài	406
* Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Tầng lớp địa chủ với quá trình thiết lập làng xã ở Tây Nam Bộ thế kỷ XVII – thế kỷ XVIII	416
* Nguyễn Thị Nguyệt	Nghiên cứu truyền thuyết dân gian Việt Nam theo phương pháp loại hình	423
* Ngô Thị Khai Nguyên	Một số hoạt động “chuyển tải” văn hóa trong dạy - học tiếng Việt như một ngoại ngữ	433
* Liêu Thị Thanh Nhân	Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn thực hành dịch cho lưu học sinh Trung Quốc tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	439
* Trần Thị Mai Nhân	Những đóng góp của tiểu thuyết viết về chiến tranh trong văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới	447

* Nguyễn Tuyết Nhung	Độ đo phong cách của văn bản tiếng Việt	
* Đỗ Trần Anh Đức	và ứng dụng	
* Đinh Điền		455
* Dương Thị Nhung	Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực	
* Trần Thị Thu Vân	đối với các giờ học môn Viết tiếng Việt	
	cho sinh viên nước ngoài	
	tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	463
* Lê Quang Pháp	Một vài nét về quá trình hình thành và phát triển	
	các làng nghề ở huyện Thường Tín, Hà Nội	469
* Nguyễn Văn Phổ	Ý nghĩa hướng của “lùi” và “lui”	479
* Trần Nguyễn Khánh Phong	Dân ca trong đời sống văn hóa của người Tà Ôi	491
* Nguyễn Thanh Phong	Ẩn dụ ý niệm trong “Hạnh phúc cầm tay”	
	của thiền sư Thích Nhất Hạnh	504
* Dương Trường Phúc	Hội đua bò Bảy Núi: “chỉ dẫn địa lý”	
* Ngô Thanh Loan	của văn hóa Khmer An Giang	511
* Nguyễn Văn Phúc	Các đơn vị ngữ âm cần yếu trong dạy	
	và học phát âm tiếng Việt	517
* Lê Nguyễn Hạnh Phước	Công tác đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài	
* Tôn Nữ Thùy Trang	ở Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ,	
	Đại học Huế và một số đề xuất	530
* Nguyễn Hoàng Phương	Một số nét nghĩa tri nhận của động từ tri giác “thấy”	546
* Nguyễn Thị Diễm Phương	Phát triển du lịch nông thôn ở Tây Nam Bộ:	
	tiềm năng và thách thức	552
* Lương Ngọc Khánh Phương	Ẩn dụ ý niệm “phụ nữ là thực vật” trong tiếng Việt	560
* Võ Thị Diễm Phương	Từ địa phương trong “ngôn ngữ teen”	
	của sinh viên Bạc Liêu	569
* Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ quyền Việt Nam truyền thống tham chiếu	
* Huỳnh Vĩnh Phúc	với nữ quyền thế giới qua các phong trào nữ quyền	576
* Nguyễn Trường Sơn	Bài tập dạy ngôn ngữ ứng dụng khái niệm trực ngữ đoạn -	
	trực liên tưởng của Ferdinand de Saussure	585
* Phan Thanh Sơn	Vài nhận xét về từ tình thái và quán ngữ tình thái	
	trong việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	592
* Lê Thị Thanh Tâm	Văn học Việt Nam trung đại và cuộc hội nhập	
	nền văn minh Đông Á - một cái nhìn khái lược	599
* Phan Thanh Tâm	Cụm động từ tiếng Stiêng	611
* Nguyễn Thị Hoài Thanh	Ẩm thực - tinh hoa văn hóa Huế	617
* Bùi Việt Thành	Cây cà phê Việt Nam và Khe Sanh- Quảng Trị:	
	Lịch sử về quá trình phát triển	624

* Lê Lâm Thi	Quan điểm lấy người học làm trung tâm trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	633
* Vũ Văn Thi	Một số đặc điểm riêng biệt của hư từ tiếng Việt	640
* Huỳnh Đức Thiện	Di tích lịch sử - văn hóa trong sự phát triển du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh	649
* Nguyễn Thanh Nhung	Lễ giỗ tổ nghề hát bội tại các không gian thờ ở Thành phố Hồ Chí Minh	660
* Đặng Phương Toàn	Các thể loại kịch bản tuồng Nam Bộ trước 1945	671
* Nguyễn Thị Huyền Trang	Phương pháp sử dụng trò chơi học tập trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	678
* Nguyễn Thị Thu Trang	Nhân vật <i>Chàng trai khỏe</i> trong truyện cổ tích Việt Nam và Ấn Độ	685
* Trần Thị Thu	Khuynh hướng khai thác sự kiện lịch sử trong kịch viết về đề tài lịch sử từ 1945 đến nay	694
* Nguyễn Thị Thanh Truyền	Cách sử dụng tổ hợp từ “gì mà” (áp dụng trong trường hợp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ)	701
* Phan Thị Yên Tuyết	Về vấn đề tộc người Tà Mun	707
* Trần Thị Tươi	Phạm Quỳnh nhìn từ nỗ lực giải thuộc địa hóa	727
* Nguyễn Thị Huyền Vân	Phát triển du lịch và sự biến đổi đời sống người dân tại khu di tích Yên Tử (xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh)	734
* Nguyễn Thị Vân	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số quốc gia Đông Nam Á (liên hệ với Việt Nam)	739
* Trần Thủy Vịnh	Về phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	748
* Lê Thị Thanh Xuân	Những vấn đề lý luận cơ bản và đề xuất những hướng nghiên cứu về nữ quyền ở trong và ngoài nước	766
* Trần Thị Xuân	Khảo sát các yếu tố phong tục Việt Nam trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài	773
* Vũ Thị Xuyên	Những mặt hàng ngoại nhập ở đảng trong Thế kỷ XVI – XVIII	783
* Nguyễn Thị Hoàng Yên	Ngữ kết quả và cấu trúc kết quả tiếng Việt	792
* Nguyễn Kim Yên	Ứng dụng Task-based Learning – TBL vào việc dạy hội thoại tiếng Việt cho người nước ngoài	795

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm về tác quyền
KHOA VIỆT NAM HỌC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH & NV - ĐHQG TP HCM

ISBN: 978 - 604 - 73 - 6155 - 7

Số lượng 300 cuốn, Khổ 20 x 28 cm, ĐKKHXB số: 1594-2018/CXBIPH/04-90/ĐHQGTPHCM, Quyết định XB số 114/QĐ-ĐHQGTPHCM của NXB ĐHQG-HCM cấp ngày 22/6/2018. In tại: Công ty TNHH MTV In ấn Mai Thịnh Đức. Địa chỉ: 71 Kha Vạn Cân, Quận Thủ Đức, TP.HCM. Nộp lưu chiếu: Quý III/ 2018.

GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT 2018

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Chịu trách nhiệm nội dung

ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH, NGUYỄN ANH TUYẾN, LÊ THỊ THU THẢO

Sửa bản in

PHƯỚC HUỆ, THIÊN PHONG, PHAN KHÔI

Trình bày

ĐẶNG ĐỨC LỢI

Nhà xuất bản ĐHQG-HCM và tác giả/đối tác liên kết giữ bản quyền©
Copyright © by VNU-HCM Press and author/co-partnership All rights reserved

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6361 - 028 6272 6390

E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH

Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6361 - 028 6272 6390, **Website:** www.nxbdhqghcm.edu.vn

TRUNG TÂM SÁCH ĐẠI HỌC

Tầng hầm, Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6350 - 028 6272 6353, **Website:** www.sachdaihoc.edu.vn

GIẢNG DẠY,
NGHIÊN CỨU
VIỆT NAM HỌC
VÀ TIẾNG VIỆT
2018



Giá: 350.000đ